

THÔNG BÁO

Kết quả thi và kế hoạch nhận đơn phúc khảo kỳ thi tốt nghiệp đại học đợt 1 năm 2026

(Ngành Y khoa, BSLT, Dược học, Y học dự phòng)

Trường Đại học Y khoa Vinh thông báo kết quả thi và kế hoạch nhận đơn phúc khảo kỳ thi tốt nghiệp đợt 1 năm 2026 như sau:

I. Kết quả thi tốt nghiệp

(Có danh sách và kết quả đính kèm). Được công bố tại bảng tin và Website (<http://vmu.edu.vn>) của trường ĐHYK Vinh

II. Kế hoạch nhận đơn phúc khảo

- Thời gian và địa điểm nhận đơn phúc khảo: từ 28/04/2026 đến 17h00 ngày 13/05/2026 (trong giờ hành chính) tại Phòng Quản lý Đào tạo- Trường Đại học Y khoa Vinh (161- Nguyễn Phong Sắc- phường Trường Vinh- Nghệ An).

- Sinh viên có nguyện vọng phúc khảo bài thi đề nghị làm đơn phúc khảo (theo mẫu) và nộp trực tiếp về phòng Quản lý Đào tạo.

- Lệ phí phúc khảo: 100.000 đồng/bài thi.

- Kết quả phúc khảo (nếu có) dự kiến sẽ được đăng tải trên Website của Trường ngày 18/05/2026.

Nếu sinh viên cần biết thêm thông tin, xin liên hệ Cô Nhung- Phòng Quản lý Đào tạo- SĐT: 0963.796.983.

Nơi nhận:

- Đăng tin Website;

- Lưu VT-QLĐT. *MY*

TM. HỘI ĐỒNG THI
DÂN CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Nguyễn Văn Tuấn

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT 1 NĂM 2026

Ngành: Y khoa, BSLT, Dược học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	LT	TH	TBC	Ghi chú
1	20010084	Lê Hoàng	Anh	Nam	15/11/2002	20YA	6.50	8,50	7,50	
2	20010080	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	15/10/2002	20YA	6.50	7,50	7,00	
3	20010106	Lý Phương	Anh	Nữ	18/04/2002	20YA	4.80	9,00	6,90	
4	20010103	Trương Ngọc	Ánh	Nữ	24/05/2002	20YA	9.00	7,00	8,00	
5	20010079	Nguyễn Đình	Cảnh	Nam	17/12/2001	20YA	8.00	8,00	8,00	
6	20010012	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	25/11/2002	20YA	7.80	7,00	7,40	
7	20010018	Trần Thị Linh	Chi	Nữ	01/11/2002	20YA	7.80	9,00	8,40	
8	20010220	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	02/12/2002	20YA	7.50	9,00	8,25	
9	20010115	Nguyễn Minh	Đạt	Nam	22/08/2002	20YA	8.30	8,00	8,15	
10	20010029	Lê Hồng	Điều	Nam	20/03/2002	20YA	7.30	8,50	7,90	
11	20010370	Nguyễn Anh	Đức	Nam	30/09/2002	20YA	7.50	8,00	7,75	
12	20010434	Phạm Minh	Đức	Nam	28/03/2002	20YA	6.80	8,00	7,40	
13	20010083	Võ Thị Thùy	Dung	Nữ	24/01/2002	20YA	5.80	8,00	6,90	
14	20010114	Hoàng Anh	Dũng	Nam	10/09/2002	20YA	8.30	9,00	8,65	
15	20010087	Ngô Thị Ngọc	Hà	Nữ	23/11/2002	20YA	8.50	8,10	8,30	
16	20010070	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	22/04/2002	20YA	8.50	8,10	8,30	
17	20010118	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	27/10/2002	20YA	7.50	8,30	7,90	
18	20010113	Vũ Ngọc	Hải	Nam	03/02/2001	20YA	6.80	8,50	7,65	
19	20010052	Lê Thị	Hằng	Nữ	10/01/2002	20YA	8.50	9,00	8,75	
20	20010475	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	22/03/2002	20YA	7.00	8,20	7,60	
21	20010181	Trần Thị	Hằng	Nữ	29/06/2002	20YA	9.30	8,50	8,90	
22	20010046	Trịnh Thị Mỹ	Hào	Nữ	05/07/2002	20YA	5.80	8,30	7,05	
23	20010112	Bùi Thị	Hiền	Nữ	14/09/2002	20YA	8.00	8,40	8,20	
24	20010013	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	27/05/2002	20YA	8.30	9,00	8,65	
25	20010040	Phạm Trọng	Hình	Nam	09/01/2001	20YA	7.00	9,00	8,00	
26	20010020	Nguyễn Thị Nhật	Hoa	Nữ	04/10/2002	20YA	7.30	9,00	8,15	
27	20010008	Đỗ Thị	Hoà	Nữ	04/09/2001	20YA	8.30	9,00	8,65	
28	20010003	Vũ Thị	Hòa	Nữ	11/06/2002	20YA	7.50	8,50	8,00	
29	20010002	Dương Minh	Hoàng	Nam	01/07/2002	20YA	4.80	8,50	6,65	
30	20010096	Nguyễn Thị Ngọc	Hồi	Nữ	10/03/2002	20YA	7.00	9,00	8,00	
31	20010027	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	24/04/2002	20YA	7.00	9,00	8,00	
32	20010038	Bùi Thị	Hương	Nữ	12/07/2002	20YA	8.00	8,00	8,00	
33	20010313	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	28/09/2001	20YA	7.30	9,00	8,15	
34	20010028	Lê Thị Thanh	Hương	Nữ	11/01/2002	20YA	6.80	8,00	7,40	
35	20010041	Trần Thị	Hương	Nữ	08/11/2001	20YA	8.00	8,00	8,00	
36	20010111	Cao Việt	Huy	Nam	10/05/2001	20YA	6.00	8,50	7,25	
37	20010021	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	06/08/2002	20YA	7.00	6,00	6,50	
38	20010032	Phan Thanh	Lâm	Nam	19/12/2002	20YA	7.30	7,50	7,40	
39	20010001	Lê Thanh	Lan	Nữ	03/12/2002	20YA	8.30	8,00	8,15	
40	20010036	Lê Thị	Lan	Nữ	19/11/2002	20YA	9.00	8,50	8,75	
41	20010094	Lương Thị	Lan	Nữ	10/02/2000	20YA	8.30	9,00	8,65	
42	20010065	Hoàng Nữ Mỹ	Liên	Nữ	13/04/2000	20YA	7.30	8,50	7,90	
43	20010014	Phạm Thị	Liên	Nữ	08/04/2002	20YA	8.00	7,00	7,50	
44	20010078	Nguyễn Cẩm	Linh	Nữ	15/11/2002	20YA	6.80	9,00	7,90	
45	20010058	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	29/05/2002	20YA	5.80	9,00	7,40	
46	20010077	Phạm Thị	Linh	Nữ	17/08/2002	20YA	6.50	8,00	7,25	
47	20010437	Trần Khánh	Linh	Nữ	14/09/2002	20YA	7.30	8,00	7,65	
48	20010047	Võ Thị	Linh	Nữ	01/08/2002	20YA	8.50	9,00	8,75	
49	20010067	Nguyễn Xuân	Lộc	Nam	24/07/2002	20YA	4.50	8,50	6,50	
50	20010011	Lương Thị Thu	Lời	Nữ	11/06/2002	20YA	8.00	9,00	8,50	
51	20010068	Nguyễn Đức	Long	Nam	14/04/2001	20YA	6.80	8,00	7,40	
52	20010060	Trần Thị Khánh	Ly	Nữ	06/07/2002	20YA	7.30	7,50	7,40	
53	20010050	Lưu Quỳnh	Mai	Nữ	06/12/2002	20YA	5.00	7,50	6,25	
54	20010023	Nguyễn Đức Quỳnh	Mai	Nữ	30/12/2002	20YA	6.80	9,00	7,90	
55	20010007	Phùng Phương	Mai	Nữ	13/10/2002	20YA	7.30	8,00	7,65	



Handwritten signature

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	LT	TH	TBC	Ghi chú
56	20010015	Trần Ngọc	Mai	Nữ	25/01/2001	20YA	8.00	8,00	8,00	
57	20010072	Lưu Trần	Mạnh	Nam	08/06/2002	20YA	8.50	7,50	8,00	
58	20010074	Bùi Hoàng	Minh	Nam	11/07/2002	20YA	4.80	7,50	6,15	
59	20010037	Huỳnh Diễm Ly	Na	Nữ	16/09/2002	20YA	7.50	8,00	7,75	
60	20010081	Nguyễn Thúy	Ngân	Nữ	28/03/2002	20YA	8.80	9,00	8,90	
61	20010019	Lê Phước Hoàng	Nghĩa	Nam	17/12/2002	20YA	6.30	8,30	7,30	
62	20010095	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	18/12/2002	20YA	7.50	8,30	7,90	
63	20010034	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	20/11/2002	20YA	7.50	8,30	7,90	
64	20010479	Dương Thị Thanh	Nhã	Nữ	18/03/1997	20YA	9.00	8,10	8,55	
65	20010275	Phạm Thị Thanh	Nhàn	Nữ	06/08/2002	20YA	9.00	8,50	8,75	
66	20010273	Phạm Quang	Nhật	Nam	31/05/2002	20YA	5.80	8,30	7,05	
67	20010030	Bùi Phương	Nhung	Nữ	17/07/2002	20YA	7.00	8,10	7,55	
68	20010422	Trần Thị Lâm	Oanh	Nữ	20/12/2002	20YA	6.30	9,00	7,65	
69	20010131	Trần Chí	Phúc	Nam	10/03/2001	20YA	5.80	7,50	6,65	
70	20010099	Nguyễn Phước Lê	Quân	Nam	02/08/2002	20YA	6.50	7,50	7,00	
71	20010063	Nguyễn Thị	Quyên	Nữ	12/03/2002	20YA	6.50	7,50	7,00	
72	20010056	Nguyễn Lại Như	Quỳnh	Nữ	14/11/2002	20YA	7.30	7,00	7,15	
73	20010076	Hoàng Minh	Sang	Nam	20/05/2002	20YA	5.80	6,75	6,28	
74	20010022	Ngô Hoàng	Sơn	Nam	24/08/2002	20YA	7.00	7,50	7,25	
75	20010104	Nguyễn Thị	Sự	Nữ	05/10/2001	20YA	7.00	7,00	7,00	
76	20010062	Trần Văn	Tài	Nam	24/05/2002	20YA	7.80	7,50	7,65	
77	20010266	Đỗ Văn	Thắng	Nam	26/03/2002	20YA	7.30	9,00	8,15	
78	20010221	Phạm Hoàng	Thắng	Nam	19/09/2002	20YA	7.00	9,00	8,00	
79	20010066	Nguyễn Hữu	Thanh	Nam	02/06/2002	20YA	7.50	8,00	7,75	
80	20010069	Vũ Đức	Thành	Nam	23/01/2002	20YA	6.30	7,50	6,90	
81	20010031	Hoàng Thị Phương	Thào	Nữ	19/12/2002	20YA	8.80	7,00	7,90	
82	20010071	Nguyễn Thị Mỹ	Thào	Nữ	07/06/2002	20YA	8.00	9,00	8,50	
83	20010053	Nguyễn Thị Phương	Thào	Nữ	21/11/2002	20YA	6.50	7,50	7,00	
84	20010093	Trương Quốc	Thịnh	Nam	07/01/2002	20YA	6.50	7,50	7,00	
85	20010055	Trần Thị	Thoa	Nữ	16/09/2002	20YA	6.50	7,50	7,00	
86	20010116	Lê Thị Hoài	Thương	Nữ	17/08/2002	20YA	6.00	8,00	7,00	
87	20010017	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	23/12/2002	20YA	6.00	8,50	7,25	
88	20010005	Vương Thị	Thương	Nữ	02/03/2001	20YA	7.50	7,50	7,50	
89	20010086	Nguyễn Lê Ngọc	Toàn	Nam	01/08/2002	20YA	5.00	7,00	6,00	
90	20010073	Đỗ Đạt	Tuấn	Nam	20/08/2002	20YA	8.30	9,00	8,65	
91	20010433	Tô Anh	Tuấn	Nam	11/12/1999	20YA	8.80	8,00	8,40	
92	20010010	Nguyễn Quang	Tùng	Nam	22/09/2002	20YA	7.80	8,50	8,15	
93	20010004	Trần Nguyễn Thảo	Uyên	Nữ	15/09/2002	20YA	7.50	8,00	7,75	
94	20010061	Phan Thị Kiều	Vi	Nữ	13/08/2002	20YA	8.00	9,00	8,50	
95	20010428	Hoàng Quốc	Việt	Nam	17/02/2000	20YA	6.80	7,50	7,15	
96	20010057	Trương Văn	Việt	Nam	22/08/2002	20YA	7.50	7,50	7,50	
97	20010090	Võ Hải	Yên	Nữ	11/08/2002	20YA	7.80	8,50	8,15	
98	20010172	Hoàng Thị Hải	Anh	Nữ	30/05/2002	20YB	8.50	7,50	8,00	
99	20010157	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	21/01/2001	20YB	9.30	8,00	8,65	
100	20010218	Bùi Thị Diệp	Ánh	Nữ	25/01/2002	20YB	7.80	7,50	7,65	
101	20010200	Đậu Thị Ngọc	Ánh	Nữ	06/08/2002	20YB	9.50	8,00	8,75	
102	20010209	Hoàng Trung	Bách	Nam	07/06/2002	20YB	8.30	8,00	8,15	
103	20010154	Dương Văn	Bằng	Nam	04/12/1993	20YB	7.00	7,00	7,00	
104	20010213	Nguyễn Tuấn	Cánh	Nam	15/09/2002	20YB	7.80	7,00	7,40	
105	20010231	Trương Thị Hoàng	Châu	Nữ	04/10/2001	20YB	7.50	7,00	7,25	
106	20010472	Lê Thị Mai	Chi	Nữ	21/07/2001	20YB	7.50	8,00	7,75	
107	20010190	Đào Hữu	Chí	Nam	29/11/2002	20YB	7.00	8,50	7,75	
108	20010166	Thái Thị Kim	Cúc	Nữ	01/12/2002	20YB	7.80	9,00	8,40	
109	20010216	Nguyễn Quốc	Đại	Nam	10/08/2002	20YB	6.30	8,00	7,15	
110	20010182	Lê Thị Ngọc	Diệp	Nữ	21/04/2002	20YB	7.00	8,00	7,50	
111	20010130	Lê Khánh	Dương	Nam	15/09/2001	20YB	5.80	8,00	6,90	
112	20010117	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	08/06/2002	20YB	7.30	9,00	8,15	
113	20010129	Hoàng Văn	Duy	Nam	23/12/2002	20YB	7.50	8,00	7,75	
114	20010151	Lê Mỹ Thái	Hà	Nữ	24/01/2002	20YB	8.30	8,10	8,20	
115	20010121	Phạm Nguyên	Hà	Nam	06/03/2002	20YB	5.50	8,20	6,85	
116	20010175	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	30/08/2002	20YB	7.00	9,00	8,00	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	LT	TH	TBC	Ghi chú
117	20010435	Lô Thị Thúy	Hiền	Nữ	23/01/2002	20YB	7.80	8,00	7,90	
118	20010191	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	01/01/2002	20YB	6.80	9,00	7,90	
119	20010193	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	Nữ	02/06/2002	20YB	7.30	8,70	8,00	
120	20010263	Phan Thị Thanh	Hiền	Nữ	26/08/2001	20YB	7.00	8,50	7,75	
121	20010436	Trần Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	05/04/2002	20YB	7.00	8,50	7,75	
122	20010159	Trần Thức	Hiệp	Nam	23/04/2000	20YB	6.50	9,00	7,75	
123	20010188	Đinh Phương	Hoàng	Nam	22/10/2002	20YB	7.50	8,50	8,00	
124	20010192	Chu Văn	Huân	Nam	10/01/2001	20YB	6.50	8,00	7,25	
125	20010158	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	24/11/2002	20YB	7.00	9,00	8,00	
126	20010229	Lê Thị	Hương	Nữ	02/05/2002	20YB	8.80	8,00	8,40	
127	20010197	Đinh Thị Thu	Hương	Nữ	07/05/2002	20YB	7.50	9,00	8,25	
128	20010245	Bùi Quang	Huy	Nam	27/09/2002	20YB	7.50	8,00	7,75	
129	20010187	Cao Hoàng Việt	Huy	Nam	07/12/2002	20YB	6.00	8,00	7,00	
130	20010206	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	15/11/2002	20YB	9.00	8,50	8,75	
131	20010126	Vũ Thành	Huy	Nam	15/06/2002	20YB	7.30	8,00	7,65	
132	20010214	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10/02/2002	20YB	7.80	8,50	8,15	
133	20010215	Vì Thị Hải	Khánh	Nữ	10/10/2002	20YB	8.50	6,50	7,50	
134	20010196	Bùi Trung	Kiên	Nam	01/04/2002	20YB	6.50	7,00	6,75	
135	20010124	Hoàng Thị	Lan	Nữ	15/11/2002	20YB	6.50	7,00	6,75	
136	20010227	Lê Thị	Liên	Nữ	09/09/2002	20YB	7.30	9,00	8,15	
137	20010123	Hoàng Thị Khánh	Linh	Nữ	28/02/2001	20YB	5.30	7,50	6,40	
138	20010127	Lê Thị Diệu	Linh	Nữ	21/09/2002	20YB	7.50	8,00	7,75	
139	20010162	Lê Trần Khánh	Linh	Nữ	13/08/2002	20YB	6.30	7,50	6,90	
140	20010147	Nguyễn Thị Thúy	Linh	Nữ	22/10/2001	20YB	7.00	8,50	7,75	
141	20010212	Trần Hữu	Linh	Nam	20/09/1992	20YB	5.80	7,50	6,65	
142	20010208	Vũ Thị Thảo	Linh	Nữ	03/11/2002	20YB	5.80	7,50	6,65	
143	20010170	Nguyễn Hữu Thái	Lộc	Nam	13/10/2001	20YB	6.00	9,00	7,50	
144	20010236	Đặng Thanh	Minh	Nam	14/09/2002	20YB	4.80	8,00	6,40	
145	20010133	Hà Tuấn	Minh	Nam	12/02/2002	20YB	7.00	7,50	7,25	
146	20010161	Nguyễn Đức	Minh	Nam	15/08/2002	20YB	6.00	8,00	7,00	
147	20010174	Vũ Ngọc	Minh	Nam	08/08/2002	20YB	8.30	8,00	8,15	
148	20010233	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	18/10/2002	20YB	7.80	8,00	7,90	
149	20010205	Nguyễn Thị Trang	My	Nữ	11/10/2002	20YB	5.80	9,00	7,40	
150	19010308	LÊ KHÁNH	NAM	Nam	07/05/2001	20YB	7.00	7,50	7,25	
151	20010169	Phạm Thị Thúy	Nga	Nữ	14/02/2002	20YB	6.80	8,00	7,40	
152	20010140	Trần Thị	Nga	Nữ	03/08/2002	20YB	6.30	7,50	6,90	
153	20010168	Nguyễn Phương	Ngân	Nữ	25/06/2002	20YB	7.50	8,20	7,85	
154	20010234	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	20/07/2001	20YB	7.00	8,30	7,65	
155	20010138	Hồ Sỹ	Ngọc	Nam	07/05/2002	20YB	5.50	8,20	6,85	
156	20010167	Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	16/11/2002	20YB	6.50	8,50	7,50	
157	20010243	Đào Thị	Nhân	Nữ	02/04/2002	20YB	8.80	8,40	8,60	
158	20010128	Đoàn Thị	Nhung	Nữ	28/04/2002	20YB	7.30	8,40	7,85	
159	20010230	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/05/2002	20YB	9.00	8,50	8,75	
160	20010173	Bùi Thị Phương	Oanh	Nữ	12/09/2002	20YB	8.00	9,00	8,50	
161	20010199	Hồ Thị	Oanh	Nữ	11/08/2002	20YB	7.00	7,50	7,25	
162	20010440	Hoàng Đức	Phúc	Nam	24/12/2002	20YB	5.50	8,00	6,75	
163	20010164	Cao Minh	Phụng	Nam	04/03/2000	20YB	6.30	7,00	6,65	
164	20010198	Vũ Thị Minh	Phượng	Nữ	01/09/2002	20YB	8.80	7,25	8,03	
165	20010176	Đặng Thị Xuân	Quỳnh	Nữ	26/11/2002	20YB	9.30	7,00	8,15	
166	20010146	Nguyễn Đức	Tâm	Nam	29/04/2002	20YB	7.50	9,00	8,25	
167	20010222	Nguyễn Văn	Tăng	Nam	26/08/2002	20YB	7.00	8,75	7,88	
168	20010183	Nguyễn Thị	Thám	Nữ	05/04/2002	20YB	7.50	9,00	8,25	
169	20010202	Lê Văn	Thắng	Nam	24/07/2000	20YB	7.30	8,00	7,65	
170	20010119	Lê Thái Hà	Thành	Nam	22/11/2001	20YB	6.30	7,00	6,65	
171	20010224	Dương Phương	Thảo	Nữ	08/11/2001	20YB	6.80	9,00	7,90	
172	20010189	Phạm Thị	Thảo	Nữ	03/06/2000	20YB	5.00	7,50	6,25	
173	20010120	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	01/01/2002	20YB	7.50	8,00	7,75	
174	20010195	Lê Văn	Thừa	Nam	01/01/2001	20YB	8.50	8,00	8,25	
175	20010153	Nguyễn Thị Mơ	Thương	Nữ	18/08/2002	20YB	9.00	8,00	8,50	
176	20010150	Thái Hoài	Thương	Nữ	11/11/2001	20YB	6.30	7,00	6,65	
177	20010185	Trần Ngọc	Thùy	Nữ	10/12/2002	20YB	6.00	8,50	7,25	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	LT	TH	TBC	Ghi chú
178	20010149	Kiều Nguyễn Chung	Thùy	Nữ	25/09/2002	20YB	6.30	7,00	6,65	
179	20010203	Nguyễn Thị	Toàn	Nữ	16/04/2002	20YB	7.80	7,00	7,40	
180	20010135	Trịnh Thùy	Trang	Nữ	03/05/2002	20YB	7.30	7,00	7,15	
181	20010186	Nguyễn Lan	Trình	Nữ	21/04/2002	20YB	7.50	8,00	7,75	
182	20010125	Nguyễn Nho	Tú	Nam	15/02/2002	20YB	7.50	7,00	7,25	
183	20010217	Hà Mạnh	Tuân	Nam	06/10/2002	20YB	9.30	7,00	8,15	
184	20010148	Đào Anh	Tuấn	Nam	23/12/2002	20YB	7.80	9,00	8,40	
185	20010163	Phùng Bá	Tuấn	Nam	20/01/2002	20YB	8.50	8,50	8,50	
186	20010194	Hoàng Thị	Uyên	Nữ	06/07/2001	20YB	7.80	8,00	7,90	
187	20010132	Trịnh Thị Thảo	Vi	Nữ	22/05/2002	20YB	8.30	9,50	8,90	
188	20010184	Phạm Văn	Vương	Nam	10/08/2002	20YB	6.50	8,00	7,25	
189	20010145	Đàm Hoàng	Yến	Nữ	30/10/2002	20YB	7.50	9,00	8,25	
190	20010265	Phạm Thị Việt	An	Nữ	25/09/2002	20YC	6.30	7,50	6,90	
191	20010345	Cao Văn	Anh	Nữ	10/04/2002	20YC	6.80	8,50	7,65	
192	20010026	Đặng Ngọc	Anh	Nữ	15/11/2002	20YC	7.50	9,00	8,25	
193	20010339	Đậu Thị Lan	Anh	Nữ	01/10/2001	20YC	7.50	9,00	8,25	
194	20010260	Lê Thị Mai	Anh	Nữ	16/12/2002	20YC	6.30	7,50	6,90	
195	20010261	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	06/12/2002	20YC	8.80	7,50	8,15	
196	20010242	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	Nữ	30/07/2002	20YC	8.50	7,50	8,00	
197	20010287	Phạm Đức	Anh	Nam	01/05/2002	20YC	7.50	8,00	7,75	
198	20010259	Trần Huyền Phương	Anh	Nữ	14/09/2001	20YC	7.50	7,00	7,25	
199	20010291	Bùi Vũ	Bác	Nam	01/08/2001	20YC	7.50	7,50	7,50	
200	20010289	Phan Đình Quốc	Bảo	Nam	13/02/2002	20YC	8.00	7,00	7,50	
201	20010239	Phan Hải	Đấng	Nam	31/08/2002	20YC	7.30	8,00	7,65	
202	20010392	Phan Tiến	Đạt	Nam	08/06/2002	20YC	5.50	8,00	6,75	
203	20010292	Tạ Quang	Đông	Nam	06/02/2002	20YC	5.80	8,00	6,90	
204	20010308	Phạm Hồng	Đức	Nam	02/10/2002	20YC	8.00	9,00	8,50	
205	20010251	Khuru Thị Mỹ	Dung	Nữ	11/09/2002	20YC	7.30	9,00	8,15	
206	20010296	Nguyễn Tùng	Dương	Nam	13/05/2002	20YC	7.50	9,00	8,25	
207	20010082	Phạm Tuấn	Dương	Nam	09/12/2002	20YC	7.50	8,00	7,75	
208	19010180	VŨ THỊ THÙY	DƯƠNG	Nữ	06/01/2001	20YC	8.50	9,00	8,75	
209	20010253	Lê Xuân	Duy	Nam	02/02/2002	20YC	7.50	8,50	8,00	
210	20010255	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	05/05/2002	20YC	7.00	8,90	7,95	
211	20010024	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	02/12/2002	20YC	8.00	8,70	8,35	
212	20010304	Cao Thúy	Hiền	Nữ	19/01/2002	20YC	8.00	8,30	8,15	
213	20010316	Trần Thị Thúy	Hiền	Nữ	02/12/2002	20YC	6.30	9,00	7,65	
214	20010336	Phạm Minh	Hiệp	Nam	20/08/1999	20YC	7.80	8,00	7,90	
215	20010262	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	13/03/2002	20YC	6.50	8,00	7,25	
216	20010301	Nguyễn Việt	Hiếu	Nam	05/12/2002	20YC	7.30	9,00	8,15	
217	20010340	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	28/05/2002	20YC	7.50	9,00	8,25	
218	20010256	Phan Thị	Hoài	Nữ	17/02/2002	20YC	8.00	8,50	8,25	
219	20010280	Nguyễn Anh	Hoàng	Nam	10/10/2002	20YC	7.30	9,00	8,15	
220	20010247	Trần Văn	Hợi	Nam	09/12/2001	20YC	7.30	9,00	8,15	
221	20010332	Lê Văn	Hùng	Nam	08/11/2002	20YC	7.50	9,00	8,25	
222	20010443	Nghiêm Cao Duy	Hưng	Nam	16/10/2002	20YC	6.50	8,00	7,25	
223	20010089	Nguyễn Mạnh	Hưng	Nam	08/05/1994	20YC	5.80	7,00	6,40	
224	20010171	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	19/03/2002	20YC	7.00	8,00	7,50	
225	20010075	Phùng Đăng	Huy	Nam	24/04/2002	20YC	5.80	7,50	6,60	
226	20010283	Lê Thanh	Huyền	Nữ	26/09/2002	20YC	6.00	8,00	7,00	
227	20010277	Lê Thị	Huyền	Nữ	19/03/2002	20YC	6.80	8,50	7,65	
228	20010246	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	17/06/2002	20YC	6.80	7,00	6,90	
229	20010248	Nguyễn Quốc	Khải	Nam	09/01/2001	20YC	6.30	9,00	7,65	
230	20010335	Lê Sỹ Đại	Khánh	Nam	27/11/2002	20YC	7.00	7,00	7,00	
231	20010310	Trần Thị Mỹ	Lệ	Nữ	02/10/2002	20YC	7.50	7,00	7,25	
232	20010269	Bùi Khánh	Linh	Nữ	07/08/2002	20YC	8.00	8,00	8,00	
233	20010312	Hoàng Thị Phương	Linh	Nữ	29/06/2002	20YC	6.00	8,00	7,00	
234	20010327	Thái Thị Thùy	Linh	Nữ	09/12/1997	20YC	7.00	9,00	8,00	
235	20010274	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	26/02/2002	20YC	7.00	8,00	7,50	
236	20010249	Bùi Xuân	Lộc	Nam	02/01/1998	20YC	6.30	7,50	6,90	
237	20010284	Trần Võ Xuân	Lợi	Nam	06/05/2000	20YC	7.80	8,50	8,15	
238	20010281	Phan Bảo	Long	Nam	14/01/2001	20YC	6.30	9,00	7,65	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	LT	TH	TBC	Ghi chú
239	20010250	Võ Thị Út	Ly	Nữ	08/06/2002	20YC	7.30	7,50	7,40	
240	20010282	Lương Hoàng	My	Nữ	20/10/2002	20YC	7.00	8,00	7,50	
241	20010258	Trần Đình	Nam	Nam	14/01/2002	20YC	7.50	8,00	7,75	
242	20010271	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	03/05/2002	20YC	6.00	8,00	7,00	
243	20010341	Lê Trung	Nghĩa	Nam	20/12/2001	20YC	7.80	8,40	8,10	
244	20010338	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	04/12/2002	20YC	7.50	8,20	7,85	
245	20010264	Hoàng Sỹ	Nguyễn	Nam	29/07/2002	20YC	7.50	8,00	7,75	
246	20010317	Nguyễn Thị Phương	Nhi	Nữ	20/01/2002	20YC	5.30	9,00	7,15	
247	20010268	Phạm Thị Lâm	Oanh	Nữ	01/04/2002	20YC	7.00	7,50	7,25	
248	20010295	Cao Thị Hà	Phuong	Nữ	19/10/2002	20YC	6.50	8,50	7,50	
249	20010279	Vũ Hoàng	Phuong	Nữ	11/03/2002	20YC	5.30	7,50	6,40	
250	20010333	Trần Thị	Phượng	Nữ	07/11/2002	20YC	7.00	7,50	7,25	
251	20010165	Lại Minh	Quang	Nam	08/07/2002	20YC	6.00	9,00	7,50	
252	20010300	Vũ Minh	Quang	Nam	28/09/2002	20YC	7.00	8,00	7,50	
253	20010285	Trần Thị Kim	Quý	Nữ	29/04/2002	20YC	9.00	7,00	8,00	
254	20010447	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	09/08/2002	20YC	7.50	7,50	7,50	
255	20010319	Nguyễn Ngọc HoàNg	Sang	Nam	08/02/2002	20YC	6.50	6,75	6,63	
256	20010326	Lê Cảnh	Son	Nam	21/08/2001	20YC	7.80	8,50	8,15	
257	20010305	Lê Thái	Son	Nam	07/04/2002	20YC	6.80	8,75	7,78	
258	20010302	Nguyễn Hùng	Thái	Nam	11/08/2001	20YC	7.00	8,00	7,50	
259	20010240	Lê Hoàng	Thành	Nam	26/09/2002	20YC	6.50	8,00	7,25	
260	20010298	Phạm Bá Tiến	Thành	Nam	14/03/2002	20YC	6.00	9,00	7,50	
261	20010321	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	07/12/2002	20YC	6.50	7,50	7,00	
262	20010267	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	25/03/2002	20YC	7.80	8,00	7,90	
263	20010276	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	16/11/2002	20YC	7.30	9,00	8,15	
264	20010337	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	26/03/2002	20YC	7.50	7,50	7,50	
265	20010325	Phạm Thị Thanh	Thía	Nữ	14/08/2002	20YC	6.00	7,00	6,50	
266	20010463	Trần Văn	Thịnh	Nam	15/04/2001	20YC	6.50	8,00	7,25	
267	20010278	Phạm	Thường	Nam	22/10/2001	20YC	6.80	7,00	6,90	
268	20010306	Lê Thị Thanh	Thúy	Nữ	28/04/2002	20YC	7.80	7,00	7,40	
269	20010294	Vi Đức	Trọng	Nam	08/07/2002	20YC	6.80	7,00	6,90	
270	20010237	Nguyễn Quang	Trung	Nam	08/07/2002	20YC	8.30	7,50	7,90	
271	20010297	Nguyễn Quang	Trường	Nam	26/10/2002	20YC	8.50	7,00	7,75	
272	19010321	VÕ PHAN	TUẤN	Nam	17/06/2001	20YC	8.50	8,50	8,50	
273	19010427	ĐINH THỊ THẢO	VĂN	Nữ	21/01/2001	20YC	7.80	8,00	7,90	
274	20010293	Đông Thị Thảo	Vân	Nữ	27/12/2002	20YC	7.50	8,00	7,75	
275	20010257	Hoàng Thị Như	Vinh	Nữ	20/03/2002	20YC	8.00	9,00	8,50	
276	20010318	Lô Văn	Vui	Nam	26/06/2001	20YC	7.00	8,00	7,50	
277	20010303	Phạm Thị	Yến	Nữ	06/02/1999	20YC	8.30	8,00	8,15	
278	20010110	Chu Hoàng	Anh	Nam	26/10/2002	20YD	5.80	8,00	6,90	
279	20010390	Hà Ngọc	Anh	Nữ	31/07/2002	20YD	7.50	8,50	8,00	
280	20010417	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	02/11/2002	20YD	8.00	7,00	7,50	
281	20010398	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	07/12/2002	20YD	8.50	7,50	8,00	
282	20010397	Trần Duy	Anh	Nam	08/11/2001	20YD	7.00	8,00	7,50	
283	20010457	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	08/03/2002	20YD	8.80	8,00	8,40	
284	20010439	Trần Thị Minh	Ánh	Nữ	13/11/2002	20YD	8.30	8,50	8,40	
285	20010431	Phan Xuân	Bách	Nam	15/01/2002	20YD	7.30	8,00	7,65	
286	20010352	Đậu Quốc	Bào	Nam	01/01/2002	20YD	8.30	6,50	7,40	
287	20010415	Trần Văn	Chữ	Nam	10/03/2002	20YD	6.30	8,50	7,40	
288	20010471	Lù Quốc	Chung	Nam	09/10/2002	20YD	7.50	8,50	8,00	
289	20010016	Phạm Thuận	Cương	Nam	17/08/2002	20YD	6.50	8,50	7,50	
290	20010402	Ksor H' Ve	Đan	Nữ	09/08/2002	20YD	8.50	9,00	8,75	
291	20010374	Phan Tiến	Đạt	Nam	09/06/2001	20YD	5.30	8,00	6,65	
292	20010376	Nguyễn Bá	Du	Nam	28/04/2002	20YD	8.30	8,00	8,15	
293	20010408	Đỗ Tiến	Dũng	Nam	12/06/2002	20YD	7.30	9,00	8,15	
294	20010393	Phí Đình	Dũng	Nam	22/03/1994	20YD	7.00	9,00	8,00	
295	20010411	Nguyễn Văn	Dương	Nam	26/12/2002	20YD	6.80	8,50	7,65	
296	20010363	Trần Ngọc	Duy	Nam	15/09/2002	20YD	6.80	8,00	7,40	
297	20010387	Nguyễn Kỳ	Duyên	Nữ	04/06/2002	20YD	6.50	9,00	7,75	
298	20010425	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	15/08/2002	20YD	7.00	8,20	7,60	
299	20010377	Phạm Thu	Duyên	Nữ	22/05/2002	20YD	6.80	9,00	7,90	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	LT	TH	TBC	Ghi chú
300	20010379	Tòng Thị Mỹ	Duyên	Nữ	07/06/2002	20YD	8.80	8,40	8,60	
301	20010359	Nguyễn Việt	Hà	Nữ	23/07/2001	20YD	6.30	8,30	7,30	
302	20010467	Trương Hồng	Hạnh	Nữ	15/10/1998	20YD	8.80	8,30	8,55	
303	20010270	Nguyễn Thúy	Hiền	Nữ	05/03/2002	20YD	8.50	8,40	8,45	
304	20010382	Võ Thị Mỹ	Hoa	Nữ	10/02/2002	20YD	6.30	9,00	7,65	
305	20010403	Đình Xuân	Hoàng	Nam	04/10/2002	20YD	8.00	8,50	8,25	
306	20010386	Huỳnh Thị	Huệ	Nữ	20/04/2002	20YD	7.80	8,50	8,15	
307	20010481	Lê Đức Nhật	Hưng	Nam	08/02/2001	20YD	5.80	8,50	7,15	
308	20010025	Đàm Quang	Huy	Nam	09/04/2002	20YD	4.00	8,00	6,00	
309	20010401	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	24/09/2002	20YD	8.00	8,00	8,00	
310	20010342	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	10/09/2002	20YD	7.50	7,50	7,50	
311	20010371	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	21/11/2002	20YD	6.80	8,00	7,40	
312	20010219	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	23/02/2002	20YD	6.80	6,50	6,65	
313	20010420	Nguyễn Nhật	Khải	Nam	04/04/2002	20YD	7.30	7,50	7,40	
314	20010324	Nguyễn Đức	Khánh	Nam	03/09/2002	20YD	7.00	8,00	7,50	
315	20010391	Nguyễn Trí	Kiên	Nam	02/05/2002	20YD	7.30	9,00	8,15	
316	20010357	Đỗ Văn Bằng	Kiều	Nam	07/05/2002	20YD	5.00	7,50	6,25	
317	20010427	Lô Vinh	Ký	Nam	16/06/2002	20YD	7.00	7,00	7,00	
318	20010353	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	02/10/2001	20YD	7.80	8,50	8,15	
319	20010097	Nguyễn Hoài	Linh	Nữ	13/07/2002	20YD	7.50	9,00	8,25	
320	20010035	Trịnh Thảo	Linh	Nữ	10/05/2002	20YD	6.30	9,00	7,65	
321	20010349	Phan Thị Thanh	Loan	Nữ	31/05/2002	20YD	7.50	7,50	7,50	
322	20010358	Nguyễn Quang	Lộc	Nam	23/12/2002	20YD	9.00	8,00	8,50	
323	20010453	Nguyễn Thành	Long	Nam	24/01/2002	20YD	3.80	7,00	5,40	
324	20010381	Đoàn Thị	Luyến	Nữ	06/06/2002	20YD	8.00	7,00	7,50	
325	20010006	Trần Ái	Ly	Nữ	04/07/2002	20YD	8.00	8,00	8,00	
326	20010452	H-La Yi	Miô	Nữ	06/10/2000	20YD	7.80	8,50	8,15	
327	20010043	Vũ Thị	Mơ	Nữ	18/11/2001	20YD	5.50	7,50	6,50	
328	20010372	Trịnh Thị Phương	Nam	Nữ	20/08/2002	20YD	6.00	8,00	7,00	
329	20010416	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	07/10/2002	20YD	6.80	7,50	7,15	
330	20010399	Lê Thị Thanh	Ngân	Nữ	15/10/2002	20YD	6.50	8,50	7,50	
331	20010451	Hồ Thị Ánh	Nhi	Nữ	30/10/2002	20YD	8.80	8,50	8,65	
332	20010351	Nguyễn Quỳnh	Nhi	Nữ	02/05/2002	20YD	6.80	9,00	7,90	
333	20010369	Huỳnh Lê Quỳnh	Như	Nữ	02/05/2002	20YD	6.50	9,00	7,75	
334	20010476	Đặng Thị Hồng	Nhung	Nữ	30/11/2002	20YD	7.50	8,00	7,75	
335	20010355	Bùi Thị	Oanh	Nữ	20/01/2002	20YD	7.30	8,40	7,85	
336	20010042	Đỗ Thanh	Phong	Nam	26/07/2002	20YD	6.30	9,00	7,65	
337	20010054	Phạm Quốc	Phong	Nam	21/10/2001	20YD	7.80	8,50	8,15	
338	20010421	Hồ Duy	Phú	Nam	06/12/2002	20YD	6.80	7,00	6,90	
339	20010388	Phan Trọng	Phú	Nam	20/11/2002	20YD	7.30	8,00	7,65	
340	20010354	Nguyễn Phạm Quỳnh	Phương	Nữ	28/01/2001	20YD	3.50	7,50	5,50	
341	20010405	Phan Thu	Phương	Nữ	24/03/2002	20YD	7.30	8,00	7,65	
342	20010410	Vũ Thị Bích	Phượng	Nữ	13/05/2002	20YD	5.30	9,00	7,15	
343	20010366	Dương Hồng	Quân	Nam	12/12/2001	20YD	7.50	9,00	8,25	
344	20010396	Nguyễn Hồng	Quân	Nam	12/10/2002	20YD	7.00	9,00	8,00	
345	20010461	Phạm Minh	Quang	Nam	11/03/2002	20YD	7.80	9,00	8,40	
346	20010380	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	14/08/2002	20YD	7.50	7,00	7,25	
347	20010364	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	17/09/2002	20YD	6.00	7,50	6,75	
348	20010449	Tô Ngọc	Quỳnh	Nữ	11/05/2000	20YD	7.80	8,00	7,90	
349	20010413	Nguyễn Nguyên	Sinh	Nam	16/12/2002	20YD	7.30	7,50	7,40	
350	20010458	Nguyễn Hồng	Sơn	Nam	28/04/2002	20YD	7.50	7,00	7,25	
351	20010108	Bùi Mai Thành	Tài	Nam	09/07/2002	20YD	7.00	8,00	7,50	
352	20010419	Lê Tiến	Tài	Nam	14/12/2001	20YD	5.80	7,25	6,53	
353	20010373	Bạch Thu	Thảo	Nữ	11/11/2002	20YD	5.30	7,50	6,40	
354	20010432	Uông Thị Phương	Thảo	Nữ	29/06/2002	20YD	7.50	8,00	7,75	
355	20010438	Trần Thị	Thoa	Nữ	23/02/2002	20YD	6.00	7,50	6,75	
356	20010368	Lê Thị	Thu	Nữ	28/07/2002	20YD	7.30	8,50	7,90	
357	20010404	Nguyễn Thị Minh	Thúy	Nữ	30/01/2002	20YD	7.30	7,50	7,40	
358	20010395	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	08/01/2002	20YD	7.80	8,00	7,90	
359	20010445	Trần Thu	Trang	Nữ	24/09/2001	20YD	6.50	7,00	6,75	
360	20010378	Nguyễn Hữu	Trình	Nam	26/12/2002	20YD	8.00	7,00	7,50	

Handwritten signature

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	LT	TH	TBC	Ghi chú
361	20010334	Đỗ Đức	Trọng	Nam	16/12/2001	20YD	7.80	7,00	7,40	
362	20010412	Trần Thanh	Trúc	Nữ	08/11/2002	20YD	6.30	8,00	7,15	
363	20010365	Trần Huy	Trung	Nam	22/05/2002	20YD	8.50	7,00	7,75	
364	20010450	Trần Văn	Trung	Nam	03/10/2002	20YD	7.80	7,00	7,40	
365	20010418	Mai Anh	Tuấn	Nam	08/05/1994	20YD	7.50	8,50	8,00	
366	20010385	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	30/05/2002	20YD	6.30	9,00	7,65	
367	20010426	Hoàng Đình	Tùng	Nam	22/08/2000	20YD	8.30	8,50	8,40	
368	20010406	Nguyễn Mạnh	Tùng	Nam	30/06/2002	20YD	9.00	8,00	8,50	
369	20010464	Nguyễn Lê Thảo	Vy	Nữ	21/02/2002	20YD	5.80	9,00	7,40	
370	20010424	Lê Thị	Yến	Nữ	28/01/2002	20YD	7.50	8,00	7,75	
371	20010485	Nunthasone	BouaLa	Nam	13/06/1988	BSLT5	6.30	7,00	6,65	
372	20010483	Lê Văn	Đến	Nam	28/07/1990	BSLT5	8.50	8,00	8,25	
373	20010459	Lý Thị Thanh	Diệu	Nữ	10/05/1989	BSLT5	6.50	8,00	7,25	
374	20010009	Ngô Thị	Dung	Nữ	15/01/1993	BSLT5	8.00	7,50	7,75	
375	20010478	Nguyễn Thị Lệ	Hoa	Nữ	23/10/1990	BSLT5	6.80	7,50	7,15	
376	20010207	Phạm Văn	Hoài	Nam	03/03/1993	BSLT5	7.50	8,00	7,75	
377	20010177	Lê Thị Hồng	Khang	Nữ	06/11/1983	BSLT5	7.50	8,00	7,75	
378	20010204	Nguyễn Văn	Khuê	Nam	12/11/1998	BSLT5	7.30	7,00	7,15	
379	20010474	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	19/12/1993	BSLT5	8.30	8,00	8,15	
380	20010477	Hà Thanh	Lợi	Nam	07/06/1994	BSLT5	7.30	8,00	7,65	
381	20010322	Nguyễn Hồng	Minh	Nam	18/11/1994	BSLT5	8.30	7,00	7,65	
382	20010092	Đinh Thị	Ngân	Nữ	20/02/1990	BSLT5	8.80	7,00	7,90	
383	20010179	Ngô Thị Thùy	Ngân	Nữ	14/05/1992	BSLT5	8.80	7,00	7,90	
384	20010454	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	04/06/2000	BSLT5	8.30	8,50	8,40	
385	20010180	Nguyễn Thành	Phát	Nam	26/02/1994	BSLT5	7.00	7,00	7,00	
386	20010100	Nguyễn Hà	Phong	Nam	30/12/1996	BSLT5	9.00	8,50	8,75	
387	20010134	Nguyễn Quốc	Sư	Nam	05/03/1993	BSLT5	8.50	8,00	8,25	
388	20010160	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	02/06/1990	BSLT5	9.30	9,00	9,15	
389	20010460	Nguyễn Thị Băng	Tâm	Nữ	27/10/1994	BSLT5	9.00	8,50	8,75	
390	20010152	Lê Thị Hồng	Thắm	Nữ	26/07/1991	BSLT5	8.30	9,00	8,65	
391	20010470	Hoàng Thị Anh	Thào	Nữ	10/10/1995	BSLT5	8.80	8,50	8,65	
392	20010446	Đinh Bạt	Thiệt	Nam	20/06/1993	BSLT5	7.80	9,00	8,40	
393	20010085	Phan Văn	Thung	Nam	09/07/1992	BSLT5	7.00	9,00	8,00	
394	20010059	Hồ Vĩnh	Tiến	Nam	23/07/1991	BSLT5	7.30	9,00	8,15	
395	20010442	Lê Thị	Tím	Nữ	19/10/1995	BSLT5	7.50	8,50	8,00	
396	20010414	Đinh Phạm Quỳnh	Trang	Nữ	19/10/1993	BSLT5	8.00	8,00	8,00	
397	20010156	Hoàng Thị	Trang	Nữ	26/11/1989	BSLT5	8.30	8,50	8,40	
398	20010468	Nguyễn Đức	Tùng	Nam	21/12/1995	BSLT5	7.00	8,00	7,50	
399	20010383	Nguyễn Văn	Tùng	Nam	13/12/1996	BSLT5	7.00	8,50	7,75	
400	20010482	Nguyễn Hữu	Vinh	Nam	15/09/1993	BSLT5	7.50	9,00	8,25	
401	20010469	Trần Thị	Yến	Nữ	10/08/1991	BSLT5	7.50	9,00	8,25	
402	200658	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	07/08/2001	YHDP6	7.00	9,50	8,25	
403	200646	Cụt Văn	Đàm	Nam	06/04/2002	YHDP6	5.60	8,50	7,05	
404	200352	Nguyễn Khánh	Đạt	Nam	16/06/2002	YHDP6	7.80	9,50	8,65	
405	200089	Nguyễn Việt Việt	Đức	Nam	14/06/2001	YHDP6	7.50	9,50	8,50	
406	200656	Đinh Thị Thu	Hòa	Nữ	19/05/2002	YHDP6	7.40	9,50	8,45	
407	200663	Koulavongsa	Oumthanome	Nữ	05/9/2001	YHDP6	7.30	8,00	7,65	
408	200679	Manivong	Phonesamay	Nữ	20/12/2002	YHDP6	5.70	8,00	6,85	
409	200674	Xaisoulivong	Soukvilai	Nữ	29/06/2001	YHDP6	5.30	8,00	6,65	
410	200677	Sengaloun	Teo	Nữ	11/09/2001	YHDP6	6.60	8,00	7,30	
411	200639	Phạm Anh	Thắng	Nam	08/07/1998	YHDP6	5.80	8,50	7,15	
412	200683	Phothilath	Thippavanh	Nữ	23/09/2000	YHDP6	7.50	8,00	7,75	
413	200657	Nguyễn Thị Anh	Thơ	Nữ	19/04/2001	YHDP6	8.20	9,75	8,98	
414	200075	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	17/06/2002	YHDP6	7.10	9,00	8,05	
415	200678	Phonemani	Vanvisa	Nữ	12/01/2002	YHDP6	8.00	8,50	8,25	
416	200681	Phommavong	Yotnee	Nữ	18/09/2001	YHDP6	7.50	8,00	7,75	
417	210241	Nguyễn Chung	An	Nam	18/12/2003	D4A	7.00	7,25	7,13	
418	210201	Nguyễn Thị Huyền	An	Nữ	28/01/2003	D4A	6.80	8,50	7,65	
419	210228	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	07/12/2003	D4A	9.00	7,75	8,38	
420	210420	Nguyễn Lan	Anh	Nữ	06/05/2003	D4A	6.30	6,50	6,40	
421	210222	Phạm Trần Ngọc	Anh	Nữ	11/12/2003	D4A	8.00	8,50	8,25	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	LT	TH	TBC	Ghi chú
422	210250	Phan Thục	Anh	Nữ	20/01/2003	D4A	8.50	9,25	8,88	
423	210275	Trần Quỳnh	Anh	Nữ	07/11/2003	D4A	7.50	7,00	7,25	
424	210216	Bùi Hải	Bình	Nam	13/11/2003	D4A	7.30	6,75	7,03	
425	210197	Ngô Thị Như	Bình	Nữ	13/03/2003	D4A	9.30	8,75	9,03	
426	210372	Lê Tiến	Dinh	Nam	01/08/2003	D4A	8.00	8,25	8,13	
427	210215	Trần Lâm	Dũng	Nam	11/05/2003	D4A	5.80	6,00	5,90	
428	210244	Cao Xuân	Dương	Nam	01/04/2003	D4A	6.60	7,50	7,05	
429	210286	Hoàng Hoài	Duyên	Nữ	19/05/2003	D4A	7.50	8,75	8,13	
430	210226	Phạm Thanh	Giang	Nữ	10/02/2003	D4A	8.30	7,00	7,65	
431	210252	Bùi Thị Thúy	Hằng	Nữ	20/11/2003	D4A	6.00	8,25	7,13	
432	210237	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	20/10/2003	D4A	9.00	9,00	9,00	
433	210203	Ngô Nguyễn Quỳnh	Hương	Nữ	31/10/2003	D4A	8.80	9,00	8,90	
434	210240	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	24/12/2002	D4A	8.50	7,80	8,15	
435	210219	Phan Thị Thanh	Huyền	Nữ	26/08/2003	D4A	9.00	9,10	9,05	
436	210211	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	12/03/2003	D4A	6.50	7,00	6,75	
437	210254	Phan Thị Thanh	Lam	Nữ	21/10/2003	D4A	8.30	9,00	8,65	
438	210242	Nguyễn Thùy	Lê	Nữ	03/10/2003	D4A	8.40	7,75	8,08	
439	210291	Lê Thị Thùy	Linh	Nữ	18/11/2003	D4A	7.80	7,35	7,58	
440	210196	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	21/07/2003	D4A	8.60	9,00	8,80	
441	210424	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	28/10/2002	D4A	8.30	8,85	8,58	
442	210198	Trần Nguyễn Nhật	Linh	Nam	06/11/2003	D4A	7.80	8,50	8,15	
443	210229	Trương Thị Khánh	Linh	Nữ	27/10/2003	D4A	8.50	9,00	8,75	
444	210217	Hà Thị	Loan	Nữ	13/03/2003	D4A	7.50	8,75	8,13	
445	210423	Nguyễn Thanh	Long	Nam	12/01/2002	D4A	8.50	7,65	8,08	
446	210235	Hồ Thị Mai	Ly	Nữ	20/08/2003	D4A	8.00	8,75	8,38	
447	210224	Nguyễn Thị Xuân	Mai	Nữ	24/02/2003	D4A	8.10	9,00	8,55	
448	210463	Trương Thị Trà	My	Nữ	27/11/2003	D4A	8.80	8,00	8,40	
449	210260	Vũ Thị Trà	My	Nữ	27/12/2003	D4A	6.50	7,00	6,75	
450	210208	Đào Thị	Na	Nữ	28/05/2002	D4A	7.80	8,75	8,28	
451	210248	Lê	Na	Nữ	25/05/2003	D4A	8.00	8,00	8,00	
452	210287	Nguyễn Thị Mai	Na	Nữ	25/02/2003	D4A	9.00	7,00	8,00	
453	200458	Đặng Đình	Nam	Nam	19/03/2002	D4A	6.50	7,00	6,75	
454	210191	Phan Thị	Ngân	Nữ	04/05/2003	D4A	9.30	8,50	8,90	
455	210220	Lê Thị	Ngọc	Nữ	18/11/2003	D4A	7.30	8,75	8,03	
456	210364	Trần Khôi	Nguyên	Nam	31/03/2003	D4A	7.80	8,25	8,03	
457	210234	Lã Thị Quỳnh	Như	Nữ	11/10/2003	D4A	8.50	8,00	8,25	
458	210466	Duangphilavong	Nitsakhone	Nữ	12/01/2003	D4A	6.00	7,50	6,75	
459	210480	Anouphap	Outhone	Nam	28/11/2002	D4A	7.30	5,00	6,15	
460	210195	Nguyễn Thị	Phúc	Nữ	13/05/2003	D4A	8.00	7,75	7,88	
461	210281	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	26/10/2003	D4A	7.80	8,75	8,28	
462	210376	Lô Thị Nhung	Phượng	Nữ	12/05/2003	D4A	6.00	8,00	7,00	
463	210285	Nguyễn Duy Hào	Quang	Nam	22/11/2003	D4A	8.00	8,50	8,25	
464	210261	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	24/01/2003	D4A	5.90	8,00	6,95	
465	210482	Detlavong	Sackxay	Nam	22/12/2001	D4A	6.30	6,75	6,53	
466	210479	Phommala	Somchit	Nữ	13/05/2001	D4A	5.00	5,25	5,13	
467	210193	Nguyễn Hữu Ngọc	Sơn	Nam	03/02/2002	D4A	5.30	7,75	6,53	
468	210381	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	27/10/2002	D4A	8.30	8,75	8,53	
469	210289	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	17/08/2003	D4A	8.30	7,75	8,03	
470	210374	Cao Phúc	Thọ	Nam	07/12/2003	D4A	5.30	8,50	6,90	
471	210294	Đậu Thị Anh	Thư	Nữ	19/10/2003	D4A	7.90	8,75	8,33	
472	210344	Lê Văn	Thuận	Nam	10/12/2003	D4A	7.30	8,50	7,90	
473	210205	Nguyễn Thanh	Thúy	Nữ	22/09/2003	D4A	8.10	8,00	8,05	
474	210259	Đoàn Thị Diệu	Trang	Nữ	23/11/2003	D4A	7.80	8,75	8,28	
475	210290	Phan Thị	Trình	Nữ	01/01/2003	D4A	7.30	7,50	7,40	
476	210421	Lý Quang	Trung	Nam	04/11/2003	D4A	6.50	7,50	7,00	
477	210249	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	25/05/2003	D4A	7.30	7,75	7,53	
478	210225	Tông Đức Thanh	Tùng	Nam	09/02/2003	D4A	5.80	8,25	7,03	
479	210188	Nguyễn Phạm Khánh	Uyên	Nữ	24/12/2003	D4A	7.10	7,75	7,43	
480	210270	Lê Thị Hồng	Vân	Nữ	21/01/2003	D4A	7.30	8,25	7,78	
481	210277	Trần Thị	Vinh	Nữ	28/01/2003	D4A	6.80	8,00	7,40	
482	210230	Trương Thị Khánh	Vy	Nữ	07/11/2003	D4A	7.00	7,50	7,25	

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	LT	TH	TBC	Ghi chú
483	210256	Đặng Nguyễn Như	Ý	Nữ	01/02/2003	D4A	5.80	8,00	6,90	
484	210388	Đới Đức	Anh	Nam	05/05/2003	D4B	6.00	7,00	6,50	
485	210407	Lê Hoàng	Anh	Nữ	21/06/2003	D4B	7.00	7,75	7,38	
486	210401	Ngô Thị	Anh	Nữ	20/06/2003	D4B	8.50	8,50	8,50	
487	210333	Trần Văn	Anh	Nữ	11/07/2003	D4B	7.30	9,00	8,15	
488	210355	Nguyễn Ngọc	Ánh	Nữ	31/10/2003	D4B	7.00	9,25	8,13	
489	210348	Nguyễn Bá	Bảng	Nam	13/08/2002	D4B	4.80	7,00	5,90	
490	210318	Trương Thị Thanh	Bình	Nữ	07/11/2003	D4B	8.50	8,50	8,50	
491	210342	Nguyễn Quỳnh	Châu	Nữ	13/04/2002	D4B	7.00	8,50	7,75	
492	210477	Lachai	Chengsouamoua	Nam	29/06/1999	D4B	4.80	6,50	5,65	
493	210311	Trần Đại	Cương	Nam	02/04/2003	D4B	8.00	6,50	7,25	
494	210288	Đỗ Hải	Đáng	Nam	04/11/2003	D4B	7.00	6,15	6,58	
495	210341	Hà Mạnh	Đạt	Nam	06/07/2003	D4B	7.50	6,50	7,00	
496	210300	Trần Tiến	Đạt	Nam	25/08/2002	D4B	8.10	8,00	8,05	
497	210309	Nguyễn Thị	Diệp	Nữ	28/10/2003	D4B	7.50	8,00	7,75	
498	210328	Đinh Thị Huyền	Diệu	Nữ	05/05/2002	D4B	9.30	7,60	8,45	
499	210405	Lê Thị	Đức	Nữ	20/07/2002	D4B	8.10	8,20	8,15	
500	210395	Phan Mạnh	Đức	Nam	10/03/2003	D4B	8.10	8,10	8,10	
501	210380	Trần Thị	Dung	Nữ	03/12/2002	D4B	8.50	7,15	7,83	
502	210414	Trương Văn	Dũng	Nam	12/12/2003	D4B	6.80	7,00	6,90	
503	210306	Thái Nguyễn Bình	Dương	Nữ	01/05/2003	D4B	7.50	8,50	8,00	
504	210337	Nguyễn Thùy	Duyên	Nữ	16/05/2003	D4B	7.30	8,75	8,03	
505	210392	Đặng Hương	Giang	Nữ	03/01/2003	D4B	6.30	8,50	7,40	
506	210304	Đoàn Thị	Giang	Nữ	18/04/2003	D4B	8.40	9,00	8,70	
507	210327	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	13/09/2003	D4B	8.50	9,00	8,75	
508	210313	Bùi Ngọc	Hải	Nam	17/09/2003	D4B	7.50	8,00	7,75	
509	210323	Nguyễn Thị Thanh	Hải	Nữ	12/02/2003	D4B	7.50	9,00	8,25	
510	210408	Trịnh Thị	Hiền	Nữ	14/12/2003	D4B	9.30	9,00	9,15	
511	210349	Lê Trọng	Hiếu	Nam	18/10/2003	D4B	6.30	9,00	7,65	
512	210363	Trần Trung	Hiếu	Nam	28/10/2003	D4B	7.00	8,75	7,88	
513	210350	Nguyễn Duy	Hùng	Nam	20/09/2003	D4B	8.50	9,00	8,75	
514	210297	Nguyễn Trọng	Hung	Nam	03/06/2002	D4B	8.30	8,20	8,25	
515	210393	Bế Thị	Huỳnh	Nữ	23/09/2003	D4B	8.50	7,40	7,95	
516	210471	Inchengsone	Kaykeo	Nam	18/09/2001	D4B	8.00	6,35	7,18	
517	210334	Lê Thị	Linh	Nữ	17/02/2003	D4B	8.50	8,00	8,25	
518	210189	Mai Thị Thùy	Linh	Nữ	05/11/2003	D4B	8.00	8,60	8,30	
519	210307	Ngô Quỳnh	Linh	Nữ	16/08/2002	D4B	7.80	8,65	8,23	
520	210314	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Nữ	05/11/2003	D4B	8.80	7,40	8,10	
521	210326	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	12/09/2003	D4B	9.30	8,25	8,78	
522	210319	Trần Thảo	Linh	Nữ	09/03/2003	D4B	8.80	7,65	8,23	
523	210357	Lê Thị Ngọc	Linh	Nữ	11/05/2003	D4B	8.40	8,00	8,20	
524	210404	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	28/08/2003	D4B	9.30	8,75	9,03	
525	210411	Nguyễn Thị Thiên	Nga	Nữ	01/11/2003	D4B	7.50	8,25	7,88	
526	210343	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	24/07/2003	D4B	7.30	8,00	7,65	
527	210351	Phạm Bảo	Ngọc	Nữ	26/07/2003	D4B	8.30	9,00	8,65	
528	210324	Nguyễn Thanh Khoa	Nguyễn	Nam	09/03/2003	D4B	7.50	8,50	8,00	
529	210295	Phan Thị	Nhân	Nữ	25/01/2003	D4B	7.80	8,50	8,15	
530	210356	Nguyễn Đặng Yến	Nhi	Nữ	12/12/2003	D4B	7.60	7,75	7,68	
531	210301	Trần Thị Nữ	Nhi	Nữ	02/02/2003	D4B	9.00	8,75	8,88	
532	210266	Vũ Thị Quỳnh	Như	Nữ	01/06/2003	D4B	9.00	8,50	8,75	
533	210298	Đỗ Thị	Nhung	Nữ	21/08/2003	D4B	8.80	8,50	8,65	
534	210468	Souvannamongkhoun	Nyladda	Nữ	07/02/2003	D4B	7.00	8,00	7,50	
535	210389	Trần Tú	Oanh	Nữ	27/03/2003	D4B	7.50	8,75	8,13	
536	210387	Trương Minh	Quân	Nam	24/11/2003	D4B	6.50	7,00	6,75	
537	210305	Đỗ Thị	Quỳnh	Nữ	10/08/2003	D4B	8.30	7,75	8,03	
538	210361	Nguyễn Anh	Quỳnh	Nữ	18/08/2003	D4B	9.00	7,50	8,25	
539	210354	Phan Đình	Sang	Nam	01/05/2003	D4B	7.30	8,25	7,78	
540	210475	Xayyasith	Souliya	Nữ	20/12/2003	D4B	4.80	5,50	5,15	
541	210359	Lê Thị	Tâm	Nữ	19/07/2003	D4B	7.30	8,25	7,78	
542	210346	Lê Thị	Thanh	Nữ	21/05/2002	D4B	7.80	8,75	8,28	
543	210338	Lê Phương	Thảo	Nữ	15/06/2002	D4B	8.80	7,00	7,90	



the

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	LT	TH	TBC	Ghi chú
544	210303	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	24/09/2002	D4B	7.30	6,50	6,90	
545	210473	Manyvong	Thippaphone	Nữ	18/03/2002	D4B	6.00	7,00	6,50	
546	210386	Lê Thị Minh	Thư	Nữ	01/09/2003	D4B	7.80	8,50	8,15	
547	210340	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	02/05/2003	D4B	5.80	7,00	6,40	
548	210378	Vũ Thị	Thúy	Nữ	06/05/2003	D4B	5.80	9,00	7,40	
549	210330	Nguyễn Thị Thúy	Tiên	Nữ	18/09/2003	D4B	5.50	7,75	6,63	
550	210394	Tô Văn	Toàn	Nam	13/01/2003	D4B	6.50	7,00	6,75	
551	210410	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	07/12/2003	D4B	7.00	8,75	7,88	
552	210390	Trần Kiều	Trang	Nữ	29/06/2003	D4B	6.80	9,00	7,90	
553	210403	Vũ Thuý	Trang	Nữ	21/03/2003	D4B	8.30	8,50	8,40	
554	210315	Phạm Quang	Tú	Nam	24/03/2003	D4B	5.00	7,25	6,13	
555	210310	Lê Công Minh	Tuấn	Nam	30/12/2002	D4B	6.30	7,50	6,90	
556	210417	Biện Thị Thục	Uyên	Nữ	26/09/2003	D4B	8.00	7,75	7,88	
557	210415	Thái Thị Như	Ý	Nữ	12/02/2003	D4B	6.90	8,50	7,70	
558	210366	Lê Thị Hải	Yên	Nữ	22/04/2003	D4B	8.40	9,00	8,70	
559	190579	Nguyễn Văn	Đang	Nam	26/11/2000	YHDP5	8,45	5,50	6,98	

Danh sách này gồm 559 sinh viên

He

HỘI ĐỒNG THI VÀ XÉT TỐT NGHIỆP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

BẢN NHÃN
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC Y KHOA
VINH
Tuan
HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN PHÚC KHẢO BÀI THI TỐT NGHIỆP

Kính gửi: - Hội đồng thi tốt nghiệp Trường Đại học Y khoa Vinh;
- Phòng Quản lý Đào tạo.

Họ và tên:MSV:

Ngày, tháng, năm sinh:Nơi sinh: Điện thoại:

Lớp:Ngành:Khóa:.....

SBD:..... Phòng thi:.....

Đã tham dự kỳ thi tốt nghiệp ngày:

Tôi xin phúc khảo bài thi môn:

Lý thuyết tổng hợp:

Điểm thi cũ:

Em xin chân thành cảm ơn!

Nghệ An, ngày.....tháng.....năm 2026

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)